TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 7**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 15/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá Trần Quang Th.

Các Hội thẩm quân nhân:

Thiếu tá Nguyễn Thành Nh;

Thiếu tá Dương Ngọc T.

- Thư ký phiên tòa: Trung úy Trần Duy Kh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 tham gia phiên tòa: Thượng tá Phan Đức Th - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 02/5/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành C; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 10/02/1990 tại ĐN; nơi cư trú: 255/40, khu phố LĐ1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 4/, Đơn vị LQ; nhập ngũ: Tháng 9 năm 2008; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Lan A và 02 con, lớn nhất 06 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 đến nay tại Trại tạm giam K35-Quân khu 7; có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 16/4/1999 tại AG; nơi cư trú: LT, LĐB, CM, AG; nghề nghiệp: Nhân viên nhà hàng; vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Lê Quang Th; có mặt.
2. Nguyễn Trọng T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/02/2023, Nguyễn Thành C, 4/, Đơn vị LQ đã nhắn tin trên mạng xã hội làm quen với Nguyễn Thị Ngọc G và thỏa thuận

quan hệ tình dục tại nhà nghỉ TL2 thuộc khu phố LĐ1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Sau khi quan hệ tình dục xong, do không có tiền để trả cho G như đã thỏa thuận nên C lấy cớ chở G về nhà để lấy tiền trả, tuy nhiên mục đích là C chở G đến thao trường thuộc Đơn vị LQ vì đây là nơi vắng vẻ, không người qua lại nhằm làm cho G sợ thì C sẽ trốn không phải trả tiền cho G. Khi đến khu vực thao trường, G lấy điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax ra sử dụng quay phim, chụp ảnh lại biển số xe mô tô và hình ảnh của C rồi nói C dừng xe lại. Khi C dừng xe, G đi ra vị trí trước đầu xe rồi gửi file video, ảnh và gọi điện thoại cho Lê Quang Th (tài xế taxi chở G đi gặp C) với nội dung là đang đi cùng C, nếu có việc gì xảy ra thì nhờ Th báo Công an giúp G. Lo sợ bị phát hiện địa điểm, C xuống xe, tiến đến chỗ G đứng, dùng tay trái giật điện thoại của G, tuy nhiên không giật được do G kéo và giằng lại được. C tiếp tục dùng lực bàn tay trái nắm vào bàn tay phải đang cầm điện thoại của G để bẻ, vặn ngửa bàn tay của G hướng lên trên, do lực vặn tay mạnh nên các ngón tay đang cầm điện thoại của G buông ra, C nhanh chóng lấy điện thoại bằng tay trái và chuyển sang tay phải, tắt điện thoại rồi cho vào túi quần bên phải, sau đó quay về vị trí để xe mô tô điều khiển xe chạy đi. Thấy vậy, G chạy tới nắm đuôi xe lại và trèo lên xe, khi ngồi phía sau xe, G dùng tay phải đưa lên trên hướng về túi quần bên phải của C để lấy lại điện thoại thì C sử dụng tay trái giữ chặt miệng túi quần không cho G lấy điện thoại. Do không thể lấy lại điện thoại nên G bỏ tay ra và nhảy xuống xe, còn C tiếp tục điều khiển xe về khu vực bãi C1 của Đơn vị LQ rồi dừng lại để xóa hình ảnh và clip trong điện thoại của G, sau đó C vào đơn vị và giấu chiếc điện thoại của G vào trong hộp gỗ tại kho của đơn vị do C quản lý với ý định để sử dụng. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/02/2023, G đến Công an phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN để trình báo sự việc. Đến ngày 24/02/2023, sau khi làm việc với Công an phường TP, C mới giao nộp lại chiếc điện thoại đã chiếm đoạt của G. Giá trị chiếc điện thoại mà C đã chiếm đoạt của G là 23.220.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo lấy điện thoại là do bị hại có chụp ảnh, quay phim biển số xe và hình ảnh của bị cáo nên bị cáo lấy điện thoại để xóa; tuy nhiên, sau khi lấy được điện thoại thì bị cáo nảy sinh ý định lấy luôn không trả nữa.

Bị hại khai trong quá trình điều tra: Khi tôi đang cầm điện thoại trên tay thì C đến giật điện thoại của tôi và tát vào má của tôi một cái, liền lúc đó C lấy một con dao màu đen ra đe dọa tôi…sau khi C xóa xong nội dung tôi gửi cho anh Th thì tôi có nói C vài lần là trả điện thoại cho tôi nhưng C không trả.

Những người làm chứng Lê Quang Th, Nguyễn Trọng T khai tại phiên tòa thể hiện: C và G có thuê phòng 302 tại nhà nghỉ TL; C có chuyển cho Th 2.000.000 đồng để trả tiền thuê xe theo yêu cầu của G; C có chở G vô rừng tràm; G có kể lại là bị C cướp điện thoại di động hiệu Iphone Promax màu tím ngay sau khi sự việc xảy ra; G không kể là bị C đe dọa, đánh đập gì cả.

Kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐGTS ngày 14/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của UBND thành phố BH thể hiện:

01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Promax loại 128Gb có giá trị là 23.220.000 đồng.

Biên bản thực nghiệm điều tra; Bản ảnh thực nghiệm điều tra thể hiện: Hành vi cầm, vặn, bẻ cổ tay, giật điện thoại của nạn nhân mà bị cáo Công đã thực hiện như cáo trạng mô tả.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS72 ngày 04/3/2024, Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành C về tội: "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Tranh luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội: "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 vỏ vỉ thuốc Acritel-10; 01 (một) vỉ thuốc Paracetamol 500mg (vỉ 04 viên đã sử dụng 02 viên); 01 (một) bản test ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành C 01 (một) bộ đồ quần áo bộ đội K20 số 4B.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 2 các tổ chức sự nghiệp/Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 72, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, chứng minh các nội dung như: nguyên nhân, điều kiện, thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội…

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Vì muốn lấy điện thoại của bị hại để xóa clip, hình ảnh mà bị hại đã quay phim, chụp ảnh bị cáo, biển số xe của bị cáo nên bị cáo đã có hành vi sử dụng vũ lực như cầm, vặn, bẻ cổ tay, giật điện thoại của bị hại; sau khi lấy được điện thoại thì bị cáo nảy sinh ý định lấy luôn để sử dụng, không trả lại cho bị hại nữa. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C đã phạm tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về tài sản của bị hại, chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo được tặng Giấy khen; danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến; huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; danh hiệu chiến sĩ thi đua; cha ruột của bị cáo được tặng huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; huy chương quân kỳ quyết thắng; huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; huân chương chiến công hạng nhất; huân chương bảo vệ tổ quốc hạng ba; mẹ ruột của bị cáo được tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, ba; vợ của bị cáo được tặng danh hiệu lao động tiên tiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong học tập, công tác" theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xem xét nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện tại, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo để có những quyết định phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra hình sự khu vực 2 các tổ chức sự nghiệp/Bộ Quốc phòng đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc G 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Promax, dung lượng 128Gb, màu tím, việc xử lý như trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 vỏ vỉ thuốc Acritel-10; 01 (một) vỉ thuốc Paracetamol 500mg (vỉ 04 viên đã sử dụng 02 viên); 01 (một) bản test ma túy. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành C 01 (một) bộ đồ quần áo bộ đội K20 số 4B.

[6] Về án phí: căn cứ khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 29/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 vỏ vỉ thuốc Acritel-10; 01 (một) vỉ thuốc Paracetamol 500mg (vỉ 04 viên đã sử dụng 02 viên); 01 (một) bản test ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành C 01 (một) bộ đồ quần áo bộ đội K20 số 4B.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Thành C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/5/2024) đối với bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 7./.

CÁC HỘI THẨM QUÂN NHÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**